Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3802.90.10

Mã HS	3802.90.10
Mô tả hàng hóa	Carbon hoạt tính; các sản phẩm khoáng chất tự nhiên hoạt tính; muội động vật, kể cả tàn muội động vật / - Loại khác: / - - Bauxit hoạt tính
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	10/11/2026 17:15:55
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/38029010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5339
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5339
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5339
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5185
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5146
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5146
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5146
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5146
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5146
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5146
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5190
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5190

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5190
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5190
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5190
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5190
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5188
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5188
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5188
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5188
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5188
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5188
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5188
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5152
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5148
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5148
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5148
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5148
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5148
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5148
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5157
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5157
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5157
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5157
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5157
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5157
VCFTA	2022	2022	1	VC!D5195
VCFTA	2023	2023	1	VC!E5195

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5195
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5195
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5195
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5195
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5192
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5192
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5192
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5192
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5192
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5192
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D703
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E703
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5200
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5200
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5200
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5200
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5200
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5200
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5171
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5171
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5171
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5171
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5171
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5171
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5173
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5173

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5173
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5173
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5173
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5173
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5171
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5171
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5171
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5171
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5171
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5171
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5171
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5192
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5192
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5192
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5192
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5192
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5192
RCEP B	2022	2022	0	B!D5192
RCEP B	2023	2023	0	B!E5192
RCEP B	2024	2024	0	B!F5192
RCEP B	2025	2025	0	B!G5192
RCEP B	2026	2026	0	B!H5192
RCEP B	2027	2027	0	B!I5192
RCEP C	2022	2022	0	C!D5192
RCEP C	2023	2023	0	C!E5192
RCEP C	2024	2024	0	C!F5192

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2025	2025	0	C!G5192
RCEP C	2026	2026	0	C!H5192
RCEP C	2027	2027	0	C!I5192
RCEP D	2022	2022	0	D!D5192
RCEP D	2023	2023	0	D!E5192
RCEP D	2024	2024	0	D!F5192
RCEP D	2025	2025	0	D!G5192
RCEP D	2026	2026	0	D!H5192
RCEP D	2027	2027	0	D!I5192
RCEP E	2022	2022	0	E!D5195
RCEP E	2023	2023	0	E!E5195
RCEP E	2024	2024	0	E!F5195
RCEP E	2025	2025	0	E!G5195
RCEP E	2026	2026	0	E!H5195
RCEP E	2027	2027	0	E!I5195
RCEP F	2022	2022	0	F!D5192
RCEP F	2023	2023	0	F!E5192
RCEP F	2024	2024	0	F!F5192
RCEP F	2025	2025	0	F!G5192
RCEP F	2026	2026	0	F!H5192
RCEP F	2027	2027	0	F!I5192
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4783
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4783
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4783
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4783

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3802.90 có 3 dòng thuế; dòng 3802.90.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Bauxit hoạt tính.	3802.90.20 Đất sét hoạt tính hoặc đất hoạt tính; 3802.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3802.90.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3802.90.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5339), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.